



## Bài báo nghiên cứu

# TÌM HIỂU KHÁI NIỆM “NHÀ” TRONG NGHIÊN CỨU DI CƯ

Trần Tịnh Vy

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Trần Tịnh Vy – Email: [tinhytran@hcmussh.edu.vn](mailto:tinhytran@hcmussh.edu.vn)

Ngày nhận bài: 21-6-2022; ngày nhận bài sửa: 02-7-2022; ngày duyệt đăng: 20-7-2022

## TÓM TẮT

Tuy là khái niệm cơ bản, nhưng “nhà” chứa đựng nhiều hàm nghĩa và liên tưởng tùy thuộc vào mỗi nền văn hóa và nhận thức. Vượt ra ngoài công thức nhận diện cơ bản về “nhà” như một nơi cư trú và gắn nhà với một thửa đất có thể định vị được, “nhà” trong trường hợp cộng đồng diaspora, bao gồm không chỉ một mà nhiều không gian và nơi chốn khác nhau, nơi chủ thể di cư liên tục nhận diện và hình thành căn tính. Bằng việc giới thiệu những cách hiểu cơ bản và phổ quát về “nhà”, bài viết phân tích khái niệm “nhà” trong nghiên cứu diaspora. Lí thuyết di cư đã cho thấy dưới tác động của quá trình di dân và sự va chạm của các nền văn hóa lẫn bản sắc, chủ thể di cư liên tục giằng co giữa việc họ xuất thân từ đâu và họ hiện đang ở đâu, dẫn đến việc họ tự hình thành nên các không gian “ở giữa”. Hơn thế nữa, chủ thể thậm chí có thể trải qua cảm giác mất quê hương ngay tại nơi mình sinh sống và bắt đầu hành trình tìm kiếm nơi bản thân họ thuộc về. Khái niệm “nhà”, do đó, trở nên phức tạp hơn nhiều so với cách tiếp cận cộng đồng diaspora truyền thống vốn dựa trên cảm thức hoài niệm, tình yêu quê hương và nguồn cội.

**Từ khóa:** nghiên cứu diaspora; nhà; nhà trong nghiên cứu diaspora; nhà ở học; di cư

## 1. Dẫn nhập

Nhà là không gian nơi con người ra đi và trở về. Nhà là không gian yên bình mà chúng ta không thể không mong muốn. Nhà là không gian chứa đựng các mối quan hệ, sự gắn kết và một kho kí ức tập thể, điều giả định cho một thứ căn tính và bản địa tính hình thành nên nỗi khát khao khi ta bị phân tán. Trong quá khứ, nhà có chức năng lịch sử góp phần xây dựng nên huyền thoại về cộng đồng và kí ức cá nhân. Hiện nay, nhà là diễn ngôn về không gian và lãnh thổ, nơi mà cảm xúc về bản sắc và ý thức sở thuộc bắt nguồn từ chính những trải nghiệm trong cuộc sống đời thường. Trong nghiên cứu diaspora<sup>1</sup>, khái niệm về nhà đóng vai trò mấu chốt trong việc hiểu và nhận diện căn tính của chủ thể di cư. Trải nghiệm di cư không chỉ được đặc trưng bởi sự thuần khiết hay tinh chất. Trái lại, chính sự đa dạng và phức tạp mới là đặc điểm chính của những người định vị nhà trong mỗi quan hệ tương tác và kết

---

*Cite this article as:* Tran Tinh Vy (2022). Understanding the concept of home in diaspora studies. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(7), 1136-1147.

<sup>1</sup> Chúng tôi chủ đích giữ nguyên thuật ngữ gốc là diaspora nhằm phân biệt với các hình thức di cư khác như migration/immigration, exile, expatriate hoặc asylum-seekers.

nối với nhiều không gian khác nhau. Bản sắc di cư, do đó, là một thứ bản sắc sống cùng và xuyên suốt, chứ không phải là bất chấp, *sự khác biệt* (Hall, 1993). Bắt đầu bằng việc giới thiệu những cách hiểu cơ bản và phổ quát về nhà trong phần đầu, bài viết đi sâu vào những cách hiểu mở rộng của khái niệm nhà trong nghiên cứu diaspora ở những phần tiếp theo. Lí thuyết về nghiên cứu diaspora cho thấy rằng bối cảnh đa văn hóa và xuyên quốc gia của chủ thể di cư góp phần quyết định đến cách thức họ định vị căn tính của cá nhân lẫn tái tạo một chốn gọi là nhà. Dù nhuộm màu hoài niệm và chứa đựng kí ức về quê hương đã xa, nhà trong trường hợp của cộng đồng di cư mang dáng dấp một không gian tưởng tượng, nơi mà khoảng cách địa lí và tình trạng lưỡng biên giữa đôi bờ văn hóa buộc chủ thể di cư ra sức tái tạo những không gian thay thế thay vì trở lại chốn cũ. Nhà, do đó, không chỉ là không gian vật lí mà còn là không gian văn hóa và tinh thần đối với chủ thể di cư.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một chốn gọi là nhà

Tuy là khái niệm cơ bản và phổ quát, nhà chứa đựng nhiều hàm nghĩa và liên tưởng tùy thuộc vào mỗi nền văn hóa và nhận thức. Odysseus với hành trình không ngừng nghỉ đã mang đến cách hiểu quen thuộc nhất về nhà như một chốn đi về, nơi thỏa nỗi ước mong, nơi mà lòng trung thành, sự kiêu hãnh xen lẫn tình yêu thương kết tinh thành tình yêu quê hương, di sản và nguồn cội. Nhưng bất chấp việc Odysseus gắn bó như thế nào với quê hương Ithaca của mình, nhà ở vào thời đại mà di cư chưa phải là hiện tượng phổ biến vẫn còn là một khái niệm cụ thể và ít gây tranh cãi. Trong thời đại ngày nay, nhà với tất cả sự phong phú về ý nghĩa của nó khiến cho bất kì nỗ lực nào trong việc đơn giản hóa khái niệm về nhà cũng trở nên chủ quan và phiến diện.

Vượt ra ngoài công thức nhận diện cơ bản về nhà như một nơi cư trú và gắn nhà với một thửa đất có thể định vị được, nghĩa là liên tưởng về nhà như một tài sản cố định, nhà đối với một số nền văn hóa và chủ thể khác nhau lại mang những ý nghĩa khác biệt. Với người này, nhà là nơi chôn nhau cắt rốn, gắn với một địa điểm cố định, trong khi với người khác, nơi nào còn có đường thì nơi ấy có thể trở thành nhà. Nhà trong thần thoại Bắc Âu chính là Valhalla (cung điện của những người tử trận), nơi trú ngụ của những vị thần và linh hồn tôn nghiêm. Còn đối với bầy gia súc ở trang trại Patch of Heaven, nhà là không gian rộng mở dưới các vì sao (Home on the Range); là cộng đồng không tưởng (New Jerusalem, Utopia), hay thậm chí là bản thân Mẹ Trái Đất. Từ đây, sự hình thành căn tính của chủ thể di cư trong mối tương quan với nhà phụ thuộc phần lớn vào cách hiểu của họ về nhà. Có những người mà căn tính của họ gắn bó mật thiết với nhà như một điểm tham chiếu cố định trong khi người khác lại tin rằng họ hoàn toàn không ràng buộc với nhà. Tương tự, có những người xem nhà là nơi chốn linh thiêng; trong khi với kẻ khác, nhà được bắt gặp ở bất cứ đâu, ở khắp mọi nơi, hoặc không một nơi nào cả (Fox, 2016, p.6).

Các cách hiểu trên đây truy vấn định nghĩa sơ khai về nhà vốn gói gọn trong phạm vi “một ngôi nhà” hay “tập hợp những ngôi nhà và tiện ích xã hội liên quan” (Easthope, 2004,

p.134). Thay vào đó, nhà được hiểu là thực thể không gian – xã hội (Sauders & Williams, 1988), thực thể không gian – tâm lí (Giuliani, 1991; Porteous, 1976), một không gian cảm xúc (Giuliani, 1991; Gurney, 2000) hay tổng hòa cả ba yếu tố trên (Somerville, 1992, p.1997). Điểm chung của tất cả các cách tiếp cận trên là trong khi thừa nhận nhà gắn với một bối cảnh, không gian và thời gian nhất định, tất cả đều đồng thuận những đặc điểm về cấu trúc vật lí của một ngôi nhà lẫn môi trường xung quanh chưa đủ để gọi nơi nào đó là nhà. Nói cách khác, dù nhà rõ ràng được định vị, vị trí chưa đủ để định nghĩa nơi nào đó là nhà. Thay vào đó, chỉ khi nơi chốn được khắc nghĩa thì lúc ấy chúng mới trở thành nhà. Như vậy, *nhà là những địa điểm hay nơi chốn chứa đựng những ý nghĩa xã hội, tâm lí và cảm xúc đối với mỗi cá nhân hay cộng đồng.*

Thêm vào đó, các nghiên cứu còn chỉ ra cảm nhận về nơi chốn (sense of place) như một thành tố quan trọng trong việc xem xét nơi nào đó là nhà (Adams, 2013). Hiểu một cách tổng quát, cảm nhận về nơi chốn là “khả năng nhận diện những không gian và căn tính khác nhau của những không gian ấy” (Relph, 1976, p.63). Cụ thể hơn, cảm nhận về nơi chốn được xem là bẩm sinh, là bản năng lãnh thổ hay bản năng sinh tồn; là kết quả của quá trình cắt nghĩa của con người đối với thế giới xung quanh (điều có thể xuất phát từ ý thức về sự sai khác văn hóa của người ngụ cư); thậm chí, cảm nhận về nơi chốn là một phần của chính trị học về căn tính. Từ các cách hiểu trên, có thể thấy cảm nhận về nơi chốn có nhiều mức độ, đi từ nhận thức đơn thuần về phương hướng cho đến việc gắn bó mật thiết với nơi chốn như là một dấu mốc của sự sinh tồn và căn tính cá nhân (Relph, 1976, p.63). Tuy nhiên, điều này không phủ nhận việc một số cá nhân có thể định vị căn tính thông qua việc họ phản ứng lại môi trường hay nơi chốn xung quanh bằng cách tạo ra những đường biên để phân biệt họ với kẻ khác, dẫn đến việc lí tưởng hóa nhóm này và phủ định “kẻ khác.” (Các nghiên cứu này thường tập trung ở tầm dân tộc hay quốc tế). Ngoài ra, cần phân biệt giữa cảm nhận về nơi chốn và sự “bén rễ” (rootedness); trong đó, “bén rễ” hàm ý việc cá nhân xem nơi nào đó là nhà một cách tự nhiên hoặc là qua thời gian. Trong khi đó, cảm nhận về nơi chốn bao hàm một khoảng cách nhất định giữa cá nhân và môi trường xung quanh; chính sự cách biệt này mới cho phép cá nhân nhận thức và đề cao nơi chốn.

Ngay cả khi cảm nhận về nơi chốn được phân biệt với sự “bén rễ” bởi khoảng cách tương đối giữa cá nhân và môi trường xung quanh, chính khái niệm cảm nhận về nơi chốn cũng tự phân chia thành “cảm nhận không có ý thức” (unselfconscious sense of place) và “cảm nhận có ý thức” (selfconscious sense of place). Nói chung, hai cách hiểu của cảm nhận về nơi chốn phân biệt nhau thông qua sự khác biệt tinh tế giữa mức độ về khoảng cách giữa cá nhân và nơi chốn. Đối với trải nghiệm cảm nhận không có ý thức, những nơi chốn được mặc nhiên thừa nhận như chúng vốn có, còn với trải nghiệm có ý thức, chúng trở thành đối tượng của việc thấu hiểu và phản tỉnh: “Mặc dù cá nhân không hoàn toàn hòa hợp với không gian trong trường hợp trải nghiệm có ý thức, nói chung họ vẫn có một sự liên kết tương đối đối với không gian” (Relph, 1976, p.66). Cụ thể, cá nhân kì vọng được tham dự một cách có

ý thức và có hiểu biết vào một nơi chốn mới, “một nỗ lực để khai mở các giác quan của một người đối với tất cả các khía cạnh của một địa điểm cụ thể nhằm trải nghiệm nó một cách đồng cảm và thấu hiểu” (Relph, 1976, p.66). Nỗ lực trải nghiệm tất cả các phẩm chất và ý nghĩa của một địa điểm bằng cách nào đó là một hình thức của “chủ nghĩa lí tưởng địa lí”, điều chỉ có thể đạt được toàn vẹn nhờ vào ý định, kì vọng và sự sẵn lòng của người quan sát.

Những định nghĩa trên đây đã cho thấy có một mối liên hệ mật thiết giữa khái niệm nhà, khái niệm nơi chốn và khái niệm căn tính khi nhà được xem là thành tố quan trọng trong sự phát triển ý thức sở thuộc của người ngụ cư đối với nơi nào đó (Easthope, 2004, p.135). Đặc biệt, sự kết nối với nhà, và mở rộng ra là quê nhà (homeland), đóng vai trò quyết định trong việc hình thành kí ức tập thể và bản sắc văn hóa của cộng đồng diaspora. Các chủ thể diaspora lưu giữ những kí ức tập thể được lãng mạn hóa về quê nhà. Thậm chí, mỗi cá nhân như được giao trọng trách kết nối quê hương với nước sở tại. Vì tính linh hoạt của căn tính di cư được tái khẳng định thông qua việc giải lãnh thổ hóa và bối cảnh hóa, khái niệm về nhà của cộng đồng di dân cũng thách thức cách hiểu về nhà như một nơi cố định và duy nhất. Quê nhà trở thành một nơi hằng khao khát và chẳng bao lâu sau, nhà đã trở thành một nơi không định danh (Cohen, 2008, p.3). Vốn là nơi chôn nhau cắt rốn, là mảnh đất định cư gắn với một địa danh cụ thể, là quê cha đất tổ, thậm chí là cộng đồng tưởng tượng, với sự phổ biến của hiện tượng di cư toàn cầu, nhà đã mang nhiều hàm nghĩa phức tạp hơn trong nghiên cứu di cư.

## 2.2. *Quê nhà trong nghiên cứu di cư*

Tầm quan trọng của quê nhà đối với cộng đồng diaspora chủ yếu xuất phát từ bản chất của cộng đồng diaspora. Bắt nguồn từ động từ “diaspeirein”, từ “diaspora” trong tiếng Hi Lạp là sự kết hợp của “dia” (qua hoặc xuyên qua) và “speirein” (phân tán hoặc gieo hạt). Tuy nhiên, diaspora không chỉ đề cập sự tản mác và phân tán. Theo nghĩa gốc tiếng Hi Lạp, diaspora tập trung vào quá trình hủy diệt, “sự phân hủy của vật chất và sự hòa tan của nó thành những phần nhỏ hơn” (Kenny, 2013, p.2). Thậm chí, khái niệm diaspora còn được dùng để chỉ sự đô hộ của người Hi Lạp tại các vùng Tiểu Á và Địa Trung Hải trong thời kì Cổ đại (800-600 trước Công nguyên) (Cohen, 1995, p.6). Ngay từ đầu, thuật ngữ này đã bao hàm một màu sắc tâm linh. Xuất hiện trong kinh Do Thái Septuagint, diaspora cho thấy “chiều kích tinh thần của sự lưu đày do thần thánh đưa đường chỉ lối” (Kenny, 2013, p.5), qua đó chỉ ra mối quan hệ giữa khái niệm diaspora và quan niệm về sự cứu rỗi. Cụ thể, sự li tán của cộng đồng Do Thái được lí giải là hành động nhằm tuân theo ý nguyện của Đấng Cứu Thế với hi vọng một ngày nào đó, người Do Thái sẽ được trở về Israel. Do đó, hồi hương trong trường hợp này là một hành trình tâm linh hơn là một chuyến đi trong thực tế: “Quan niệm di cư của người Do Thái – vốn mang tính quyết định đến tất cả những cách hiểu mở rộng khác về di cư – do đó hướng về tương lai, dự đoán sự cứu chuộc cuối cùng hơn là một lời than thở đơn thuần về hành trình lưu đày.” (Kenny, 2013, p.5).

Hành trình lưu vong của cộng đồng Do Thái cho thấy khái niệm diaspora đã sớm gắn liền với việc di tản ra khỏi vị trí địa lý ban đầu cùng với nỗi khao khát được trở về. Ví dụ kinh điển của cộng đồng Do Thái, nơi mà ra đi chủ yếu mang tính cưỡng bức và trở về dường như là bất khả, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của quê hương nguồn cội, nhớ nhung và mất mát. Tuy nhiên, nội hàm ban đầu của khái niệm diaspora dần dần được mở rộng theo thời gian, đi liền với hiện tượng di cư toàn cầu, nhằm lí giải trải nghiệm của con người trong khuôn khổ của việc di cư, kết nối và trở về. Dù trùng lặp phần nào với một số nghiên cứu đa ngành về các hiện tượng xã hội học, chẳng hạn nghiên cứu di dân và tị nạn, nghiên cứu hậu thuộc địa, nghiên cứu toàn cầu hóa, diaspora tự phân biệt bởi “mối liên hệ giữa quê hương và đất khách mà chủ thể di cư tạo ra, bao gồm những chủ thể cư trú dài hạn trong và ngoài nước” (Stierstorfer & Wilson, 2018, p.xviii). Mối liên hệ với quê hương được hiểu là “sợi dây ràng buộc lâu bền hoặc là mối thiết lập với quá khứ,” điều được Robin Cohen (2018, p.18) nhấn mạnh như một điều kiện cần để xuất hiện ý thức về việc lưu vong. Quê nhà và mối liên hệ với quê hương đã được một số học giả xác nhận là những đặc điểm chính của cộng đồng di cư, mặc dù họ chọn cách tiếp cận cộng đồng di cư từ nhiều góc độ và quan điểm khác nhau.

J. Armstrong là một trong những học giả đầu tiên giới thiệu lí thuyết về diaspora trong nghiên cứu của mình. Trong phân loại của ông về cộng đồng diasporas, bao gồm diaspora tùy vào từng hoàn cảnh (situational diaspora) và diaspora kinh điển (archetypal diaspora), huyền thoại về quê nhà đóng vai trò quan trọng (Armstrong, 1976, p.395). Mối liên hệ mật thiết với quê hương trú xứ cũng được xem là yếu tố quan trọng hình thành nên một cộng đồng di cư, theo Sheffer. Tuy nhiên, Sheffer thêm vào sự tồn tại của bản sắc tập thể và mạng lưới những người đồng hương ở các quốc gia khác nhau. Như vậy, sự xuất hiện và phát triển của bản sắc tập thể được xác định bởi cách thức các nhóm di cư kết nối, một cách thực tế (như chuyển kiều hối) hay tượng trưng, với quê hương (Sheffer, 1986, p.116).

Trong tập đầu tiên trên tạp chí về di cư học có ảnh hưởng trong giới học thuật, *Diaspora A Journal of Transnational Studies*, Safran đã nêu ra sáu đặc điểm nhận dạng một cộng đồng di cư, bao gồm:

1. Cộng đồng này, hay tổ tiên của họ, đã bị phân tán từ một “trung tâm” nguyên thủy đặc thù di chuyển đến lãnh thổ ngoại biên (thường từ hai lãnh thổ trở lên).
2. Họ lưu lại những kí ức tập thể, tầm nhìn hay huyền thoại về quê nhà của mình, bao gồm vị trí địa lý, lịch sử và những thành tựu của miền đất ấy.
3. Chủ thể di cư cho rằng họ không thể và không được chấp nhận hoàn toàn trong cộng đồng sở tại, kéo theo đó là cảm giác phần nào bị xa lánh và cô lập khỏi cộng đồng sở tại.
4. Họ xem nơi quê cha đất tổ mới chính là quê hương lí tưởng và thực thụ, một nơi chốn mà bản thân họ hay con cháu mình có lẽ sau rốt sẽ tìm về, nếu điều kiện cho phép.
5. Chủ thể di cư tin rằng họ được ủy thác trách nhiệm bảo tồn và khôi phục quê hương, đồng thời đảm bảo cho sự tồn vong và thịnh vượng của nó.

6. Họ trực tiếp hay gián tiếp liên lạc với quê hương dưới nhiều hình thức, và sự tồn tại của mối liên lạc này đóng vai trò quan trọng trong việc xác định ý thức dân tộc chung (ethno-communal) và đoàn kết dân tộc. (Safran, 1991, p.83-84)

Tương tự Cohen, Armstrong và Sheffer, những đặc điểm mà Safran đưa ra cho thấy tầm quan trọng của quê nhà đối với cộng đồng di cư, đồng thời ngụ ý đến sự liên hệ về mặt văn hóa bền bỉ và liên tục đối với một “cội nguồn [duy nhất]”. Hơn thế nữa, Safran chỉ ra thái độ cô lập, thay vì đồng hóa, với vùng đất mới của cộng đồng di cư. Điều này cũng được Brubaker đồng thuận khi ông nhấn mạnh đến việc duy trì bản sắc văn hóa độc đáo của cộng đồng di cư đối với văn hóa của nước chủ nhà thông qua cách thức họ phản kháng một cách tự cường bách hoặc các hình thức tự cô lập khác (Brubaker, 2005, p.6).

Trong khi các định nghĩa trên đây cho thấy mối quan hệ với nơi trú xứ cũng như sự kết nối giữa những người đồng hương tại nước sở tại là những đặc điểm quan trọng trong định nghĩa về cộng đồng di cư, Clifford lại đưa đến một cách hiểu mới. Thay vì chỉ ra điều gì làm nên một cộng đồng di cư, Clifford đề xuất đâu không phải là yếu tố quyết định để xem xét cộng đồng di cư. Nói cách khác, ông vẽ ra đường biên phân biệt khái niệm này so với những khái niệm tương tự. Ông đặt các điều kiện về cộng đồng di cư bên cạnh các chuẩn mực cần có của quốc gia – dân tộc (nation-state) cũng như những ý tưởng dành cho cộng đồng người bản địa. Đặc biệt, Clifford nhìn nhận những đại tự sự được những nhà hoạch định chính sách vạch ra, điều thường vẽ nên một viễn cảnh tốt đẹp về một ngôi nhà mới cho cộng đồng di cư, không ích gì cho việc đồng hóa người nước ngoài bởi họ “duy trì lòng trung thành và gắn bó thiết thực với quê hương hay cộng đồng những người đồng hương ở những quốc gia khác. Diaspora là những kẻ định nghĩa căn tính mình bằng lịch sử tập thể về sự di tản và mất mát; do đó họ không thể hội nhập hoàn toàn vào cộng đồng chung nơi đất khách” (Clifford, 1994a, p.305-307).

Điều đáng chú ý là cộng đồng di cư vẫn khao khát một dân tộc cho riêng họ, nhưng nỗi hoài niệm không nhất thiết phải bao gồm việc xây dựng một đất nước thực thụ. Clifford nhận xét rằng cộng đồng di cư Do Thái không được thành lập trên một mảnh đất thực sự mà là một “ngôi nhà” được mở rộng thông qua các hình thức văn hóa, những mối quan hệ họ hàng, hoạt động làm ăn buôn bán kinh doanh cũng như lòng trung thành với tôn giáo và tín ngưỡng riêng (Clifford, 1994b, p.305). Hơn thế nữa, cộng đồng Do Thái không chỉ được đặc trưng bởi lòng khao khát về quê hương mà còn là sự bồi đắp lại ý niệm về quê hương đã mất. Việc trở về quê hương hay mối liên hệ với quê hương không có gì là đảm bảo bởi quê hương hiện tại liên tục được cải tạo và vượt quá khả năng nhận dạng. Clifford thậm chí còn cho rằng việc cộng đồng Israel trở về quốc gia – dân tộc của mình không khác nào sự phủ định di cư. Các hình thức văn hóa di cư đặc trưng bởi sự gắn bó lẫn giằng co, kháng cự giữa quê nhà và đất khách. Dựa trên cả gốc gác (root) lẫn lộ trình (route), cộng đồng di cư xây dựng những không gian thay thế, bao gồm sự đoàn kết và ý thức chung về cộng đồng nhằm duy trì bản dạng bên ngoài không – thời gian nơi mà họ đang sống để được co cụm lại với sự khác biệt của chính mình. Việc duy trì những ngôi nhà tập thể ở xa quê hương giúp phân

biệt diaspora và lưu vong (exile), điều thường là lựa chọn mang tính cá nhân. Clifford đề xuất hiểu diaspora như một cái biểu đạt (signifier), “thứ không đơn giản là nói về sự di chuyển xuyên quốc gia mà còn liên quan đến các cuộc đấu tranh chính trị nhằm xác định tính địa phương, như một cộng đồng đặc biệt, trong bối cảnh lịch sử của sự di tản” (Clifford, 1994a, p.307).

Nói chung, các định nghĩa trên đây cho thấy những đặc điểm cơ bản của cộng đồng di cư cũng như tầm quan trọng của nhà. Diaspora, cũng như tất cả các hình thức di cư khác như di cư (migration)/ nhập cư (immigration), lưu vong (exile), xa xứ (expatriate) hoặc xin tị nạn (asylum-seeking), đều chỉ đến sự di chuyển từ nơi ở ban đầu đến nơi khác. Tuy nhiên, mối quan hệ với quê nhà là mấu chốt quan trọng giúp phân biệt diaspora và exile so với cộng đồng di/nhập cư. Trong khi diaspora và lưu vong coi vùng đất ban đầu là quê hương của họ và lưu giữ niềm khao khát được trở về quê hương, thì những người di/nhập cư có ý định gia nhập vào cộng đồng nước sở tại. Ý định cư trú lâu dài của những người di cư thậm chí còn phân biệt họ với những người xa xứ, những người tạm thời ra nước ngoài hoặc lưu trú trong một khoảng thời gian không xác định. Giữa lưu vong và diaspora, trong khi lưu vong nhấn mạnh tính chất cưỡng bức của việc di cư, những người diaspora không nhất thiết bị ép buộc phải di tản. Nói một cách rõ ràng hơn, diaspora nhấn mạnh vào sự phân tán của người di cư. Đối với họ, rời bỏ quê hương là một hành động cần thiết. Cần thêm vào một số những đặc điểm xoay quanh khái niệm quê nhà để phân biệt diaspora với các hình thức di cư khác. Niềm khao khát về quê hương của các thành viên trong cộng đồng diaspora dẫn đến việc họ lưu giữ kí ức tập thể và bản sắc của quê hương ban đầu của họ. Ý thức về bản sắc chung cũng là đặc trưng ở cộng đồng người diaspora với các loại hình di cư khác, khi mà cộng đồng diaspora bảo tồn văn hóa và phong tục của quê hương họ, từ chối sự đồng hóa vào một vùng đất mới và duy trì mối liên hệ với quê hương theo nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là các mức độ liên quan đến quê hương khác nhau giữa các thể hệ cư trú. Thể hệ đầu tiên thông thường sẽ giữ mối quan hệ chặt chẽ với quê gốc, và nhận thức rõ hơn bản sắc văn hóa nơi quê nhà hơn so với các thể hệ sau. Do đó, trong khi thể hệ đầu tiên được xem là cộng đồng diaspora, thể hệ thứ hai lại thường có căn tính lai ghép, trộn lẫn giữa quê hương và nước sở tại.

### 2.3. “Không chốn dung thân”<sup>2</sup>

Tuy nhiên, bản chất của quê nhà được truy vấn lại trong các giai đoạn phát triển sau này của nghiên cứu diaspora. Một mặt, nhà vẫn là một trải nghiệm sống động và gắn bó với một địa phương cụ thể: “Âm thanh và mùi vị của nó, cái nóng nực và bụi bặm, những buổi tối mùa hè êm ả, hay sự phấn khích của trận tuyết đầu mùa, những buổi tối mùa đông lạnh rùng mình, bầu trời xám xịt u ám vào giữa trưa... tất cả những thứ đó, được lưu truyền thông qua những mối quan hệ xã hội thường ngày.” (Cohen, 2008, p.10). Mặt khác, nhà là mảnh

<sup>2</sup> Tiêu kết được chơi chữ từ tựa đề tác phẩm điện ảnh *No Country for Old Men* (2007), đạo diễn bởi Joel và Ethan Coen.

đất thần thoại của niềm khao khát trong trí tưởng tượng của cộng đồng diaspora. Theo cách hiểu này, nhà là miền đất không thể trở lại, ngay cả khi người ta có thể quay về lãnh thổ địa lí vốn được xem là nơi xuất phát (Cohen, 2008, p.10). Nếu như những lí thuyết trước đây xem diaspora là một hình thức xã hội có liên quan đến sự phân tán về mặt địa lí, các nghiên cứu gần đây tập trung vào các trải nghiệm của cá nhân dưới áp lực của quá trình di cư. Cách tiếp cận mới này của diaspora tập trung vào chủ thể tính dựa vào kinh nghiệm của sự di chuyển. Diaspora được hiểu vừa là tình trạng chủ quan vừa là trạng thái của tinh thần. Quê hương và ý tưởng trở về quê hương qua đó mang cả nghĩa đen và ẩn dụ (Procter, 2007; Kenny, 2013, p.13; Davis, 2018, p.119).

Diaspora được L. Cho hiểu như là một tình trạng của chủ thể khi bà khẳng định rằng ý nghĩa của diaspora không thể hiểu bên ngoài chủ thể tính và sự hình thành chủ thể. Bà cho rằng diaspora được tạo nên từ “quá trình ý thức sâu sắc về kí ức chủng tộc, nỗi đau buồn vì những mất mát không phải lúc nào cũng có thể diễn đạt được cũng như nỗi khao khát luôn ở bên rìa của khả thể.” (Cho, 2018, p.109). Diaspora hiện hữu “trong niềm vui từ sức mạnh kì diệu của sự kết nối mà ít người biết đến” (Cho, 2018, p.109). Cho cũng nhấn mạnh vai trò của tình trạng sang chấn tâm lí như một hệ quả của quá trình di cư. Tuy nhiên, diaspora không nhất thiết là kết quả của quá trình di cư từ nơi này sang nơi khác. Thay vào đó, nó phụ thuộc chủ yếu vào những trải nghiệm và kí ức của việc trở nên vô gia cư:

Sống như những kẻ diaspora là bị ám ảnh bởi những câu chuyện lịch sử khôn nguôi, thứ nằm đâu đó ở tương lai lẫn quá khứ của ta. Đó là cảm giác nhột nhạt sau gáy và biết rằng có điều gì đó không ổn về nơi ở hiện tại của bản thân, nhưng cũng biết rằng mình không thể rời đi. Vô gia cư là một quá trình. Vô gia cư là trạng thái di cư trong tâm thức. (Cho, 2018, p.112).

Paul Gilroy cũng đề cập kinh nghiệm diaspora của cá nhân. Bản sắc di cư, thứ được tái tạo thông qua những trải nghiệm cưỡng bức về sự di dời, “thay vì tập trung vào lãnh thổ chung thì nhấn mạnh đến kí ức, hay chính xác hơn là vào động lực xã hội của việc nhớ và tưởng niệm” (Gilroy, 1994, p.207). Ý thức về việc nằm đâu đó ở giữa nơi cư trú và quê nhà cũng gây ra căng thẳng “giữa ý thức phân tán và liên kết cộng đồng với các cấu trúc và phương thức quyền lực hiện đại đặc biệt được điều phối bởi sự phức tạp về thể chế của các quốc gia – dân tộc” (Gilroy, 1994, p.207). Ở đây, khái niệm của Gilroy về cộng đồng diaspora tương đồng với Clifford trong quan điểm về quốc gia – nhà nước như phương tiện để chấm dứt cộng đồng diaspora. Khi xuất hiện khả năng hòa giải với nước sở tại hoặc quê hương, tương ứng là tình trạng đồng hóa hoặc hồi hương, niềm khao khát của cộng đồng diaspora sẽ được chuyển thành “tình trạng lưu vong không hơn không kém” (Gilroy, 1994, p.208). Tính chủ quan của cá nhân cũng được nhấn mạnh trong định nghĩa của Anand về cộng đồng diaspora. Diaspora gồm “những cộng đồng chung mà ở đó tính chủ quan của cá nhân được đánh dấu bằng sự mơ hồ, bối rối, lo lắng, việc tư tưởng đến một nơi khác, tất cả đều tạo ra siêu ý thức chứ không đơn thuần là cảm giác hồi tiếc” (Anand, 2018, p.114).

Một điểm nổi bật khác của ý thức diaspora là nhận thức về đa địa phương, thứ “kích thích nhu cầu kết nối (về mặt tinh thần) giữa bản thân với những người khác, cả ở đây và ở



đó, những người có cùng “lộ trình” và “nguồn gốc” (Vertovec, 1999, p.8). Ở đây, diaspora được hiểu là sự tổng hợp của “các đại diện luôn thay đổi mang lại “sự liên kết tưởng tượng” cho một tập hợp các căn tính linh hoạt” (Vertovec 1999, p.8). Đặc điểm này được Robin Cohen phát triển rằng “các mối liên kết xuyên quốc gia không còn phải được củng cố bởi sự di cư hoặc bởi các tuyên bố độc quyền về lãnh thổ. Trong thời đại của không gian mạng, ở một mức độ nào đó, một cộng đồng di cư có thể kết nối với nhau hoặc được tái tạo thông qua tâm trí, thông qua các đồ tạo tác văn hóa và thông qua trí tưởng tượng tập thể” (Cohen, 1996, p.516).

Tách rời khỏi mối liên hệ với lãnh thổ ban đầu, diaspora với tư cách là một loại ý thức hiện đang được các học giả tiếp cận thông qua sự tập trung vào trạng thái của tâm trí và cảm giác về bản sắc. Các nghiên cứu chú ý nhiều đến việc mô tả trải nghiệm của những chủ thể diaspora bị loại trừ ở nơi này trong khi tư tưởng đến đâu đó ngoài kia. Ý thức di cư được đặc trưng bởi bản chất kép và nghịch lí cùng nhận thức về tính đa địa phương. Về đặc điểm đầu tiên, các đối tượng di cư có những trải nghiệm tiêu cực dưới hình thức bị phân biệt và loại trừ trong khi cảm thấy được hòa nhập vào di sản lịch sử (Vertovec & Cohen, 1999, p.xviii). Ngoài ra, Paul Gilroy còn mô tả một loại ý thức hai mặt liên quan đến nhận thức của những cá nhân về việc bị ‘lệch tâm’ hay về việc ở nhà mà vẫn cảm thấy xa lạ. Tương tự, Clifford đề xuất rằng: “Nghịch lí của diaspora là việc sống ở đây mà giả định có sự đoàn tụ và kết nối ở ngoài kia. ... [Chính] sự kết nối (ở nơi khác) đã tạo ra sự khác biệt (ở nơi đây)” (Clifford, 1994a, p.322).

Nói chung, không gian diaspora là không gian lai ghép được tạo ra và thúc đẩy bởi những thay đổi lịch sử. Khái niệm về quê nhà của cộng đồng diaspora, do đó, là vấn đề phức tạp và đa diện được đặc trưng bởi sự đa dạng của “nhiều ngôi nhà” lẫn “nhiều sở thuộc”. Nhấn mạnh diaspora là đại diện cho nhiều địa điểm được tái tạo nên và định danh là nhà, Walters cho rằng nên tránh hiểu nhà của cộng đồng diaspora như một nơi cố định, mang tính ràng buộc và luôn luôn nhuộm màu hoài niệm (Walters, 1923, p.xvi). Sự kết nối của cộng đồng diaspora với quê hương trú xứ được đặc trưng bởi tình trạng nước đôi và xung đột tâm lí bởi chủ thể diaspora bị giằng xé giữa những ngôi nhà khác nhau. Chưa kể tình trạng phân tán còn dẫn đến cảm giác hoang mang khi nhớ về nhà. Thậm chí tình trạng nước đôi ẩn trong bản chất của diaspora, một bản thể luận kép mà ở đó chủ thể di cư hướng theo hai hướng, một mặt là hướng về bản sắc văn hóa lịch sử, và mặt khác là hướng tới xã hội tái định cư (Ashcroft et al., 1995, p.425).

Quê nhà và hải ngoại có thể là những thuật ngữ đồng nghĩa nhau nơi mà nhà có thể ở nước ngoài và ngược lại, bởi cả hai nơi này thực ra không bị ràng buộc nhiều bởi rào cản địa lí. Cộng đồng di cư liên tục giằng co giữa việc họ xuất thân từ đâu và họ hiện đang ở đâu, dẫn đến việc các chủ thể di cư tự hình thành nên các không gian riêng của mình. Sự hiện diện của Chinatown ở các thành phố lớn trên thế giới có thể là ví dụ về cách người Hoa hình thành nên những không gian quen thuộc để khiến họ cảm thấy như đang ở nhà mình và tạo

ra cảm giác thân thuộc với nơi họ đang sống, một quê hương xa ngái (Raj, 2014, p.88). Hơn thế nữa, chủ thể thậm chí có thể trải qua cảm giác mất quê hương ngay tại nơi mình sinh sống và bắt đầu hành trình tìm kiếm nơi mà bản thân họ thuộc về, một không gian an toàn về chính trị xã hội, văn hóa và tri thức mà người ta có thể gọi là nhà. Chủ thể di dân trải qua những trải nghiệm đa dạng và phức tạp của việc đồng thời được hoà nhập lẫn bị loại trừ. Do đó, khái niệm nhà trở nên phức tạp hơn nhiều so với cách tiếp cận cộng đồng diaspora truyền thống vốn dựa trên cảm thức hoài niệm, tình yêu quê hương và nguồn cội.

### 3. Kết luận

Nói chung, các nghiên cứu về diaspora đưa ra ít nhất hai cách hiểu về diaspora, và cả hai cách diễn giải này đều liên quan đến khái niệm nhà lẫn ý thức sở thuộc của cộng đồng diaspora. Xuất phát từ kinh nghiệm lịch sử của người Do Thái, cộng đồng diaspora theo Safran (1991) ít nhiều đặc trưng bởi sự phân tán từ quê hương xứ sở đến nhiều vùng đất mới. Chủ thể di cư do đó khao khát được trở về quê hương trong tưởng tượng (điều được các học giả gọi là “huyền thoại về sự trở về”). Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu của Clifford, Gilroy hay Cho cho thấy một sự dịch chuyển trong cách hiểu về cộng đồng diaspora mà ở đó, chủ thể di cư không nhất định gắn bó với nhà với tư cách là lãnh thổ địa lí. Căn tính di cư không đơn thuần là chủ thể thuộc sở hữu của một quốc gia – dân tộc cụ thể mà là một tác nhân biến đổi linh hoạt và đa dạng giữa không gian đa văn hóa. Các thành viên của cộng đồng diaspora, do đó, tái cấu trúc không gian di cư như một vùng không gian liên khu vực và xuyên biên giới, nơi hội tụ những xung đột văn hóa, những căng thẳng chính trị lẫn bất ổn tâm lí. Những diễn ngôn lãng mạn về quê nhà, nhiều khả năng được xúc tác bởi chủ nghĩa dân tộc, do đó cho thấy sự bất lực trong việc ràng buộc những chủ thể di cư với một khu vực địa lí hay một vùng văn hóa nhất định. Hoàn cảnh di cư, đi cùng với đó là sự tương tác, kết nối và tái cấu trúc nhiều ngôi nhà, đã chứng minh tính chất đa dạng, linh hoạt và phức tạp của khái niệm nhà trong bối cảnh di cư toàn cầu của thế giới đương đại.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số T2021-01.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adams, J. D. (2013). Theorizing a sense of place in transnational community. *Children, youth and environments*, 23(3), 43-65.
- Anand, D. (2018). Diasporic subjectivity as an ethical position.” In K. Stierstorfer & J. Wilson (Eds.), *The Routledge Diaspora Studies Reader* (p.114-118). Routledge.
- Armstrong, J. A. (1976). Mobilized and Proletarian Diasporas. *American Political Science Review* 70(2), 393-408.

- Bose, B., Ashcroft, B., Griffiths, G., & Tiffin, H. (1995). *The Post-colonial studies reader*. Routledge.
- Brubaker, R. (2005). The 'diaspora' diaspora. *Ethnic and Racial Studies*, 28(1), 1-19.
- Cho, L. 2018. "The turn to diaspora." In K. Stierstorfer & J. Wilson (Eds.), *The Routledge Diaspora Studies Reader* (p.109-113). Routledge.
- Clifford, J. (1994a). Diasporas. *Cultural Anthropology*, 9(3), 302-38.
- Clifford, J. (1994b). Further Inflections: Toward Ethnographies of the Future. *Cultural Anthropology* 9(1994), 302-338.
- Cohen, R. (1995). Rethinking 'Babylon': Iconoclastic Conceptions of the Diasporic Experience. *New Community*, 21(1), 5-18.
- Cohen, R. (1996). Diasporas and the Nation-state: from Victims to Challengers. *International Affairs* 72(3), 507-520.
- Cohen, R. (2008). *Diasporas: An introduction*. Routledge.
- Davis, C. (2018). Diasporic Subjectivities. In K. Stierstorfer & J. Wilson (Eds.), *The Routledge Diaspora Studies Reader* (p.119-125). Routledge.
- Easthope, H. (2004). A Place Called Home. *Housing. Theory and Society*, 21(3), 128-138.
- Fox, M. A. (2016). *Home A Very Short Introduction*. Oxford University Press.
- Gilroy, P. (1994). Diaspora. *Paragraph*, 17(1), 207-212.
- Giuliani, M. V. (1991). Towards an Analysis of Mental Representations of Attachment to the Home. *The Journal of Architectural and Planning Research*, 8(2), 133-146.
- Hall, S. (1993). Cultural Identity and Diaspora. In P. Williams & L. Chrisman (Eds.), *Colonial Discourse and Postcolonial Theory: A Reader* (p.392-403). Wheatsheaf.
- Kenny, K. (2013). *Diaspora. A Very Short Introduction*. Oxford University Press.
- Porteous, D. (1976). Home: The Territorial Core. *The Geographical Review LXVI*, 383-390.
- Procter, J. (2007). Diaspora. In J. McLeod (Ed.). *The Routledge Companion to Postcolonial Studies*, (pp.151-158). Routledge.
- Raj, E. (2014). The Concept of Home in Diaspora. *Lapis Lazuli*, 4, 85-97.
- Relph, E. C. (1976). *Place and Placelessness*. Pion Limited.
- Safran, W. (1991). Diasporas in Modern Societies Myths of homeland and return. *Diaspora: A Journal of Transnational Studies*, 1(1), 83-99.
- Saunders, P. & Williams, P. (1988). The Constitution of the Home: Towards a Research Agenda. *Housing Studies*, 3(2), 81-93.
- Sheffer, G. (1986). *Modern diasporas in international politics*. Croom Helm.
- Somerville, P. (1992). Homelessness and the Meaning of Home: Roof-lessness or Rootlessness? *International Journal of Urban and Regional Research*, 16(4), 529-539.
- Steven, V. (1999). Three Meanings of 'Diaspora', Exemplified among South Asian Religions. *Diaspora*, 7(2), 277-300.
- Stierstorfer, K., & Wilson, J. (Ed.) (2018). *The Routledge Diaspora Studies Reader*. Routledge.
- Tran, T. T. (2020). *Memory and Identity in the Works of Vietnamese Authors living in Germany*. Ph.D. Dissertation. Hamburg University.
- Vertovec, S., & Cohen, R. (1999). *Migration, Diasporas and Transnationalism*. Edward Elgar Publishing Limited.
- Walters, W. (1923). *At Home in Diaspora*. University of Minnesota.

**UNDERSTANDING THE CONCEPT OF HOME IN DIASPORA STUDIES****Tran Tinh Vy***University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University of Ho Chi Minh City, Vietnam**Corresponding author: Tran Tinh Vy – Email: tinhvytran@hcmussh.edu.vn**Received: June 21, 2022; Revised: July 02, 2022; Accepted: July 20, 2022***ABSTRACT**

*As a fundamental and universal concept, home has multiple and layered meanings for different people in many circumstances. Far from being understood as a residence mostly attached to a local parcel of land, home for the diaspora includes not one but many spaces and places where the migratory subjects are continuously identifying and constructing their identities. By introducing basic and universal understandings of home, we will analyze how home was represented in diasporas studies. Diaspora studies have shown that migrants are constantly struggling between where they come from and where they are now, which was caused by the influence of migration and the collision of various cultures and identities. This led them to form their own “in-between” spaces. Moreover, people even felt alienated from their homeland and were searching for a place where they belonged. Therefore, understanding the concept of home becomes much more complex in the case of the diaspora community instead based on their feelings of nostalgia, love of homeland, and roots.*

**Keywords:** diaspora studies; home; home in diaspora studies; housing studies; migration